

VĂN KHẮC VIỆT NAM ĐẾN THỜI LÝ

PHAN VĂN CÁC *

1. Văn khắc là thuật ngữ chỉ các văn bản được định hình bằng cách dùng các công cụ sắc nhọn khắc chữ lên các vật liệu rắn như đá, đồng, gỗ. (Thuật ngữ “Kim thạch văn” của Trung Quốc không bao quát được chất liệu gỗ của một số văn bản, như trường hợp bia gỗ ở chùa Vân Long ven đê sông Hồng thuộc thôn Triệu Xuyên, Long Xuyên, Phúc Thọ, khắc năm Vĩnh Tộ 8 [1626] mang tên *Am Long tự bi*.)

2. Văn khắc là những sử liệu rất quan trọng. Ở Trung Quốc, người đầu tiên dùng văn bia vào sử học là Âu Dương Tu (1007 - 1072) thời Tống với sách *Tập cổ lục*. Sau đó là Triệu Minh Thành với *Kim thạch lục*. Còn ở Việt Nam, đó là Lê Quý Đôn (1726 - 1784) với bài tựa sách *Lê triều thông sử* (1740) và *Kiến văn tiểu lục*. Rồi đến học trò ông là Bùi Huy Bích. Cuối thế kỷ XIX, ra đời sách *Lê triều tiến sĩ đề danh bi kí* của Lê Cao Lãng.

Đến thời hiện đại, Hoàng Xuân Hãn vào đầu thập kỉ 40 của thế kỷ này đã sưu tầm sao chép một số bia đời Lý để viết cuốn *Lý Thường Kiệt, lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*. Hà Văn Tấn phát hiện các cột kinh ở Hoa Lư, Ninh Bình (1965, 1970). Trần Huy Bá phiên âm và dịch nghĩa bia Chiêm Hoá (1969). Cũng năm 1969, Trần Văn Giáp công bố một bài nghiên cứu quan trọng về văn bia. *Thư văn Lý Trần* tập I (1977) đã tập hợp 9 văn bản bia từ thời Ngô đến thời Lý. Cũng đã lần lượt ra đời các tuyển tập địa phương như *Văn bia Hà Nội* (2 quyển, 1978), *Văn bia Lạng Sơn*, *Văn bia Hà Tây*. Tập thể nghiên cứu Viện Hán Nôm cũng đã công bố *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tuyển chọn - lược thuật (1992) và *Danh mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam* (1991). Trước đó, một bộ *Thư mục bia Việt Nam* (bản đánh máy 25 tập, hơn 5000 trang, Bùi Thanh Ba chủ biên) và

* Giáo sư, Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Việt Nam.

Thư mục bia giản lược (30 tập, 6000 trang đánh máy, Hoàng Lê chủ trì) đã được hoàn thành và hiện để tại Phòng tư liệu Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

3. Trong khuôn khổ một *Tổng tập Văn khắc Việt Nam*, dự kiến xuất bản thành 10 tập, một công trình hợp tác ba bên: Học viện Viễn Đông - Pháp, Trường Đại học Quốc gia Trung Chính - Đài Loan và Viện Nghiên cứu Hán Nôm - Việt Nam, tập I sẽ dành cho giai đoạn từ thời Bắc thuộc đến hết triều Lý, với tổng số 27 văn bản. Thoạt đầu, dự định chỉ xuất bản các thạc bản, nhưng trong quá trình chuẩn bị, thấy cần đưa vào đây cả bản sao chép của 7 bản văn khắc đã mất. Đặc điểm của 27 văn bản ấy có thể tóm tắt trong bảng sau.

Có 3 văn bản khắc trên đồng (chuông). Còn lại là văn khắc trên đá: trụ đá bát giác, bia đá, mộ chí, bệ tượng, “ma nhai”.

Các văn khắc này một mặt bổ sung đáng kể các tư liệu cho chính sử, mặt khác cũng nêu ra những vấn đề mới và cố gắng giải đáp. Chúng cho phép đi vào lịch sử một số gia tộc lớn, hiểu thêm sự vận hành của xã hội, hình dung phần nào vị trí của người phụ nữ, và nhất là vai trò của giới tăng lữ Phật giáo trong quan hệ với chính quyền, cũng như hiểu thêm đời sống tín ngưỡng và văn hoá của cư dân Việt thời kỳ này. Chúng cũng cung cấp một số thông tin về cân đong, về các thiết chế và thuật ngữ hành chính, nhất là về các chức tước và thực ấp. Về văn tự, việc sử dụng chữ Nôm còn rất ít ỏi, hầu hết là trong địa danh.

STT	Tên văn bản	Loại văn bản	Chất liệu	Hiện trạng	Địa điểm
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27

Thứ tự	Tên văn khác	Niên đại	Đặc điểm hình thức	Nơi đặt	Kí hiệu	Nội dung	Tác giả	Thông tin đặc biệt	Thông tin trong thư mục nghiên cứu
1	大隋九真郡 寶安道場之碑 Đại Tuý Cửu Chân quận Bảo an đạo tràng chi bi văn còn gọi BIA CỔ	8 Tư Mậu Dần (Tuý Đại ngiệp CN 18 - 5 - 618	cao 1.53 rộng 0.78 >700 chữ	th. Trưởng Xuân x. Đông Minh h. Đông Sơn t. Thanh Hoá nay: Bảo làng Lịch sử (Hà Nội)	20954 Viện Nghiên cứu Hán Nôm	ca tụng giáo lý Phật, đạo học và sự nghiệp của thứ sử Cửu Chân là Lê Ngọc (Lê Cốc)	Nguyễn Nhân Khi 元仁器 (Hà Nam - Trung Quốc)	"đạo tràng" (chùa, tượng đương "tự")	Đào Duy Anh (1963) Trần Văn Giáp (1967) (Lê) Vinh Khanh 3 (1731) có bản chép (Nguyễn) Thiệu Trị 2 (1842) chép lại
2	道梅社鐘銘 (Thanh Mai xã chung minh) Bài minh chuông Thanh Mai	30 Ba Trính Nguyễn (Đường) 14 20 - 4 - 798	chuông cao 0.60 thân 0.52 quai 0.08 đường kính miếng 0.39 đỉnh 0.28 nặng 36 kg 1542 chữ	th. Thanh Mai x. - nt - h. Thanh Oai t. Hà Tây nay: Bảo làng Hà Tây	30270	53 người của Tuý Hỷ xã đúc, nặng 90 cân "Nam xưng" 243 người tham gia đóng góp (có 1 sư Pháp Hiến, vợ chồng Trình Tế Căn theo Đạo giáo...) bài tán 12 câu		người từ 19 châu (có 4 châu "ki-mi"), 12 phủ, 8 huyện (3 châu và 2 huyện nay thuộc lãnh thổ VN) "xã", hội tôn giáo. cán Nam xưng = 0,400 kg 134 tên phụ nữ	1986 phát hiện ở độ sâu 3m50 bãi Rông, ven sông Đáy. Đình Khắc Thuần in rập; Đình Khắc Tuấn - Đặng Kim Ngọc
3	天威經新整 海派石碑 Thiên Uy (Oai) kính (kênh) tân tạc hải phái bi Bia Đường biển kênh Thiên Uy mới đào	13 Giáp Hâm Thống 11 17 - 2 - 870	1058 chữ	Bờ kênh Thiên Uy (nay thuộc hải phận Bắc Việt Nam) và nhà thư Ung Châu (Nam Ninh - Trung Quốc), đều không còn. Bản trung khắc Hoắc Trung Cán 24-2-1098 (Tống) Thiệu Thành 5 cũng mất	chép trong An Nam chí lược của Lê Trắc (1260 - 1340)	Quả trình đục đường kênh Liêm Châu đến của Bạch Đằng. Mã Viên khởi công, chét hàng ngàn; Cao Biền đúng 2 tỉ lượng là Lâm Phùng và Dư Tôn Cố	Bùi Hình 裴銅 chữ trong thư kí của Tiết độ sứ Cao Biền 高萬齊 Bùi là tác giả truyền kí	nhiều yếu tố quái dị	Tân Đường thư, quyển 220 hạ Cựu Đường thư, quyển 182 Đại Việt sử lược (bản Trần Kinh Hoa, 1986, tr. 38) Đại Việt sử kí toàn thư, Ngoại kí, q. 5, tờ 15b An Nam chí lược (bản Vũ Thượng Thanh, 1995, tr. 147)

Thứ tự	Tên văn khắc	Niên đại	Đặc điểm hình thức	Nơi đặt	Kí hiệu	Nội dung	Tác giả	Thông tin đặc biệt	Thông tin trong thư mục nghiên cứu
4	月 早古鐘銘 [Nhật Tảo cổ chung minh] Minh chuông Nhật Tảo	29 Tư Mậu Thần, Cán Hoà 6 9 - 6 - 948	cao 0.32 quai 0.07 kính miệng 0.19 nặng 6 kg chữ khác chim 211 chữ	Miếu thờ Thánh Trần th. Nhật Tảo x. Đông Ngạc h. Từ Liêm Phạm Văn Thẩm phát hiện 1987	thác bản Viện Nghiên cứu Hán Nôm (chưa lên kí hiệu)	Kể việc làm tranh Tam Tôn năm 944 và 6 phướn, cuộc chuông nặng 15 cân (6 kg). Do 20 người trong "xã" thôn Từ Liêm h. Giao Chỉ		Hoạt động "xã". Tên, pháp danh của thành viên "xã", Đạo giáo. Niên hiệu Cán Hoà (nhà Nam Hán, đô ở Quảng Châu)	Đại Việt sử lược (bản Trần Kính Hoà, 1987, tr. 40) Đại Việt sử kí toàn thư (Ngoại kí, q. 5, tờ 24a) Trần Ngự đại sử, q.65, bản in 1974, tr. 816; bản dịch 1954 của Shafer, tr. 363
5	佛頂尊勝 加句靈尼 陀羅尼 [Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm Đà la ni] (sansk.) dhāraṇi, nghĩa là đầu tóm 總持	Quý Dậu 978	Cột đá 8 mặt, văn khác 8 mặt cao 0.65 rộng 0.05 16 hàng khác chìm ≈ 470 chữ	x. Trường An h. Hoa Lư t. Ninh Bình phát hiện 1963, bản phục chế tại Bảo tàng Hoa Lư	VB1 Viện Nghiên cứu Hán Nôm Cột mất, còn bản phục chế	Lời bạt: Nam Việt vương Đinh Lễ tạo 100 toà bảo chàng			Hà Văn Tấn, T2
6	nt	979 ?	nt cao 0.65 rộng 0.065 19 hàng khác chìm ≈ 560 chữ	nt phát hiện 1986 tại Bảo tàng Ninh Bình	VB2 Viện Nghiên cứu Hán Nôm				Đại Việt sử kí toàn thư. Ngoại kí, (q. 1, tờ 5a-b)
7	nt	979 ?	nt cao 0.66 rộng 0.16 20 hàng khác chìm ≈ 560 chữ	Trương Xuân h. Hoa Lư t. Ninh Bình tại bảo tàng Ninh Bình	VB3 Viện Nghiên cứu Hán Nôm	có liên quan với No. 6			

Thứ tự	Tên văn khắc	Niên đại	Đặc điểm hình thức	Nơi đặt	Kí hiệu	Nội dung	Tác giả	Thông tin đặc biệt	Thông tin trong thư mục nghiên cứu
8	nt	979	nt cao 0.6 rộng 0.07 8 hàng ≈ 460 chữ	phát hiện 1986 nay ở Bảo tàng Ninh Bình	VB8 Viện Nghiên cứu Hán Nôm	có liên quan với No. 6			Ha Văn Tấn, T2
9	nt	thế kỉ X	nt cao 0.80 rộng 0.105 x 3 hàng ≈ 470 chữ	phát hiện 1964 hiện thất lạc	thác bản 1970 đề ở Bảo tàng Lịch sử, Hà Nội, hiện thất lạc	Tản dương Phật và Tống tri Sa Ba Nhã (sarvajna)		Thịnh chú Phật Bồ tát. Bat bộ thiên long, Diêm vương, Thiên, ác, đồng tử... giảng làm, phụ hò Phật pháp	
10	阿彌陀佛 A di đà Phật tụng	Hời Phong 8 (Li Nhân Tông)	Bề 3 phần: toa sen, tượng sư tử đỡ toà sen & chấn bệ bát giác. Chấn bệ 3 tầng, chữ khắc láng, chữ khắc ở mặt tầng 2 & 3. Niên đại ở tầng 3. Tầng 2 15 dòng x 7 chữ đá mờ	Bệ tượng chùa Hoàng Kim (tức chùa Một Mái) x. Hoàng Ngõ h. Quốc Oai t. Hà Tây	VB9 Đình Khắc Thuần rập		Sư Tri Bát (1049 - 1117) thế hệ 12 dòng thiền Vinitaruci cùng thời Vạn Hạnh & Tư Đạo Hạnh	La văn bản khắc bê lương Phật duy nhất hiện biết có niên đại rõ, giúp định niên đại các tượng và bê khác, ở thời Lý. Cho thấy Tri Bát hội tụ ảnh hưởng Thiên, Tịnh Phật	Chu Quang Trứ, Trần Lâm Biền, 1983, tr. 212 - 213. <i>Thiền uyển tập anh</i> , bản dịch 1990, tr. 186 Ha Văn Tấn, 1986, tr. 86 1987, tr. 131
11	安穩山報 思寺碑記 An Hoạch sơn Bảo Ân từ bi ký (Bia chùa Báo Ân núi An Hoạch - tục gọi núi Nhói)	1100 ? (chùa xây 1099 - 1100)	cao 1.70 rộng 1.05 trán bia khắc 2 rồng châu lên bia dưới có 2 rồng xoắn, khung hình hoa lã. 28 cột, 850 chữ khắc chìm, chân khắc tên bia chữ lè	1943 dựng ở sân chùa nay ở Bảo tàng Lịch sử, Hà Nội	17539 17540 20950 (Hoàng Xuân Hân rập?) 2 bản chép tay của HXH Văn bia A& Văn bia B, nay thất lạc	Thuyết lễ đạo Phật huyền diệu ca ngợi các vua chúa, thấy tu có công tiếp thu truyền bá đạo Phật. Lí Thường Kiệt chủ trì xây chùa sau khi bình Chiêm, phá Tống	Chu Văn (Thương), Mãn thư lang quan cầu Ngự phủ, Đồng trung thư viện biên tu, kiêm Thái thú h. Cửu Chân trại Thanh Hoá	Lý Thường Kiệt trấn giữ Thanh Hoá 19 năm (1082 - 1100) sai Vũ Thư Thao đem dân đến núi lầy đá xây chùa. Núi An Hoạch cảnh đẹp, đá tốt	Hoàng Xuân Hân, 1950, tr. 439, 1996, tr. 459 <i>Thơ văn Lý Trần</i> , t. 1.

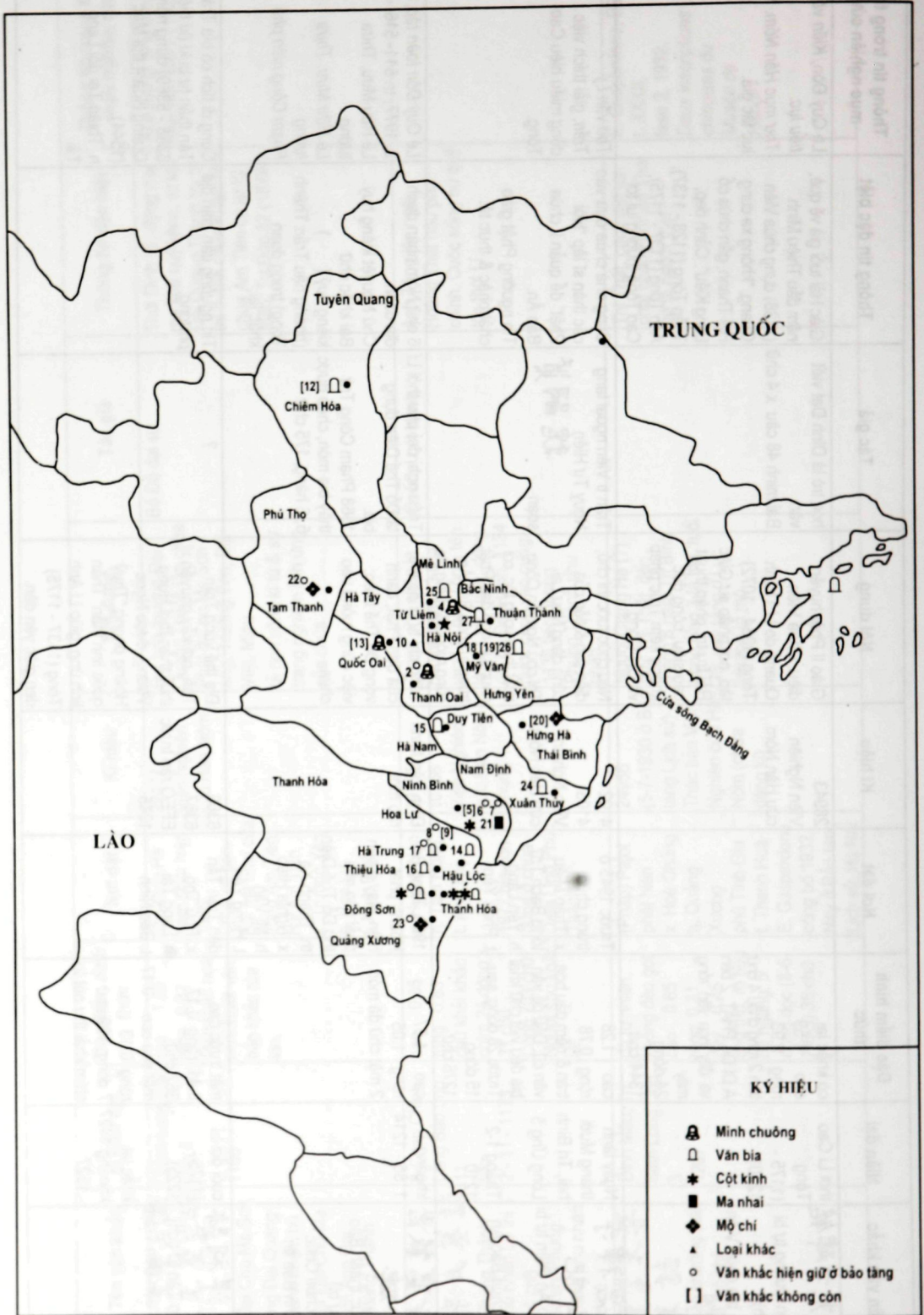
Thứ tự	Tên văn khác	Niên đại	Đặc điểm hình thức	Nơi đặt	Kí hiệu	Nội dung	Tác giả	Thông tin đặc biệt	Thông tin trong thư mục nghiên cứu
12	保寧崇福寺碑 Bảo Ninh Sùng Phúc tự bi. (Văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc)	sau 1107 (năm xây chùa)	cao 1.43 rộng 1.20 đáy 0.09 2 rỗng chấu tên bia, riềm hoa lá, 28 cột, 1250 chữ chìm, chân khải. Tên chữ hành thư. Có chữ sai, có thể là trùng khác.	thập kỉ 60 thế kỉ này phát hiện ở x. Yên Nguyên h. Chiêm Hoá t. Tuyên Quang gầy, vỡ, hiện không còn	20946 Viện Nghiên cứu Hán Nôm 1 ảnh đen trắng & 1 bản chép	Ca ngợi Phật giáo, ca ngợi ông Hà Di Khánh (thuật nguồn gốc họ Hà ở Ung Châu, từ tổ Hà Đức Trọng thái thú châu Vị Long (nay là h. Chiêm Hoá) 13 đời quan 49 động, 15 huyện 1075 cảm quân đánh Ung châu	Lý Thừa Ân, Triệu liệt đại phu, Đông Thượng môn cấp sử, thượng thư viên ngoại lang, tử Tử ngư đài	Hà Di Khánh cưới công chúa Khâm Thánh, có công với Phật giáo.	Đại Việt sử kí, ghi là Li Phung Ân. Đại Việt sử lược, ghi Nguyễn Thừa Ân: đời Trần huy Li & Thừa. Tống sử, q. 488
13	山西處國威府安山縣瑞跡山天佛寺鴻鐘銘文 Thiên Phúc tự hồng chung minh văn. Bài minh chuông chùa Thiên Phúc (chùa Thầy)	9 Tâm, năm Long Phú Nguyễn Hoà 9 5 - 10 - 1109	2000 cân (1000 kg) 1789 bị phá để đúc tiền	núi Phật Tích x. Thụy Khuê h. Yên Sơn phủ Quốc Oai xứ Sơn Tây (nay h. Quốc Oai, t. Hà Tây)	bản chép trong Kim văn loại tự A1059/2 tờ 5a - 8b	Điều li và "vọng cảnh" của đạo Phật. Ý nghĩa tượng trưng của chuông chùa. Công đức của thiền sư Từ Đạo Hạnh	Sa môn Thích Huệ Hưng soạn Nghiêm Thường viết chữ (? - 1116)	Bài minh nói ghi tên các thí chủ nhưng bản sách không chép.	Lê Quý Đôn, Kiến văn tiêu lục (số 1 trong 17 chuông Li Trấn) nói Từ Đạo Hạnh đúc chuông, sai đề từ là Huệ Hưng soạn bài minh. Phan Huy Ích (1754 - 1822) viết kí cho chuông mới: Từ Đạo Hạnh 1109 quyền tiến đúc chuông 2000 cân, đến 1789 bị phá để đúc tiền.
14	崇慶聖寺碑銘 Sùng Nghiêm Diên Thánh tự bi minh	19 Mười Mầu Tuất, Hội Tường Đại Khánh 9 3 - 12 - 1118	cao 2.02 rộng 1.22 2 rỗng chấu tên bia chữ trên 39 cột 2015 chữ chìm, chân khải 4 bên sóng gợn và rỗng xoắn trái, phải	1943 phát hiện x. Duy Tinh (Thọ Hạc) h. Hậu Lộc t. Thanh Hoá	20953 Viện Nghiên cứu Hán Nôm bản chép Ái Châu bi kí VHV. 1379	Đạo Phật xuất hiện cứu chúng sinh khỏi vòng luân hồi. Chùa này do Bài minh 84 câu x 4 chữ tóm tắt chỉnh văn	Hải Chiếu đại sư (Pháp Bảo) soạn Chu Nguyên Hạo viết chữ	1116, vua Lý Nhân Tông kinh lí. Chùa đơn long trong. Xây chùa mới 1000 cân đồng đúc chuông và tượng Phật. 1115, họ Chu được trao quyền quản sự 5 huyện 3 người ở Thanh 1101 Lý Thường Kiệt rời Thanh.	(Tác giả là sư trụ trì chùa Phúc Diên Tự Thánh ở Thanh Hoá, kiêm giáo quan quân, con soạn bia Hương Nghiêm No. 15 và có thể cả bia Linh Xứng No. 16)

Thứ tự	Tên văn khắc	Niên đại	Đặc điểm hình thức	Nơi đặt	Kí hiệu	Nội dung	Tác giả	Thông tin đặc biệt	Thông tin trong thư mục nghiên cứu
15	Tên văn khắc 大越國李朝 第四帝崇善 延齡塔塔碑 (Đại Việt quốc Lí triều đế tứ đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi) Bia ghi việc dựng tháp Sùng Thiện Diên Linh đời vua thứ tư triều Lí nước Đại Việt	6 Bảy Thiên Phú Duệ Vũ 2 20 - 8 - 1121	cao 2.40 rộng 2.24 55 dòng 4200 chữ chữ đẹp hoa văn trang trí 3 cạnh Minh: 88 câu x 4 chữ	nha bia núi Long Đồi th. Đọi Sơn h. Duy Tiên t. Hà Nam	32724 - 32725 Viện Nghiên cứu Hán Nôm bản sao Đọi Sơn tự bi A. 854	Nguồn gốc vũ trụ & sự ra đời của Thích Ca Tông (1072 - 1127) là minh quân sung Phật, hiểu đạo trị bình, hay chữ, tài thơ, thạo đàn, giỏi làm con rối, dựng chùa Diên Hựu (Một Cột)	Thương thư bộ Hình, Nguyễn Công Bật Tứ Kim ngữ đời Lí Bảo Cung viết chữ tên bia thảo ngữ để	Đanh Tống ở Như Nguyệt 1077, dẹp rợ Ma sa 1083. Cây sung ngàn năm nở hoa 1 lần. Vua đích thân xem địa thế xây chùa và tháp 13 tầng	Thơ văn Lý Trần, t. 1, 1977
16	Tên văn khắc 乾尼山香 巖寺碑銘 (Cán Ni sơn Hương Nghiêm tự bi minh) Văn bia chùa Hương Nghiêm, núi Cán Ni	4 Chạp Giáp Thìn, Thiên Phú Duệ Vũ 5 10 - 1 - 1125	cao 1.50 rộng 0.96 trang trí rỗng cuốn hoa văn, tên bia chữ trên 1233 chữ	1942 chùa Hương Nghiêm th. Diên Hào tổng Diên Hào h. Lôi Dương th. Thọ Xuân t. Thanh Hoá (nay x. Thiệu Trung, h. Thiệu Hoá, t. Thanh Hoá)	20957 Viện Nghiên cứu Hán Nôm	Ca tụng công đức trung tu chùa cổ. Miêu tả cảnh chùa huy hoàng trang lệ	Hải Chiếu Thích Pháp Bảo (theo Hoàng Xuân Hãn)	Trần quốc bác xa Lê Công triều Đinh (968 - 980), cháu là tướng lão Đạo Quang, là thiên chủ thời Lí Thái Tông. Con Đạo Quang là Đạo Dung được Lý Thường Kiệt và công chúa Thụy Thánh giúp, khắc lại năm 1726	Hoàng Xuân Hãn, 1996, tác giả cũng là người soạn bia chùa Sung Nghiêm Diên Khánh năm 1118, No. 14
17	Tên văn khắc 仰山靈橋 寺碑銘 (Ngưỡng sơn Linh Xung tự bi minh) Bia chùa Linh Xung ở Ngưỡng Sơn	3 Bảy Thiên Phú Duệ Vũ 7 28 - 3 - 1126	cao 1.10 rộng 0.75 tên chữ tiểu trên. Văn khắc 2 mặt bia 27 dòng 2090 chữ	1943 x. Ngộ Xá phủ Hà Trung t. Thanh Hoá nay ở Bảo Láng Lịch sử, Hà Nội	20954 - 20955 Viện Nghiên cứu Hán Nôm	Làm lương Phật để truyền đạo thống. Lý Thường Kiệt với việc xây chùa. Lý được phong "Thiên tử nghĩa đế" vì có nhiều công lao phá Tống bình Chiêm	Hải Chiếu đại sư soạn. Thông phán Lí Doãn Tư viết chữ. Tăng Huệ Thống khác.	1082, Trưởng lão Sung Tín từ Kinh vào Thanh, cùng Thái úy Lí Thường Kiệt chọn đất Ngưỡng sơn dựng tháp, xây chùa, tổ tượng...	

Thứ tự	Tên văn khắc	Niên đại	Đặc điểm hình thức	Nơi đặt	Kí hiệu	Nội dung	Tác giả	Thông tin đặc biệt	Thông tin trong thư mục nghiên cứu
18	古越村延福寺碑 (Cổ Việt thôn Diên Phúc tự bi minh) Bia và minh chùa Diên Phúc thôn Cổ Việt	Đại Khánh 14 1113 (theo Lê Quý Đôn, Kiến văn tiểu lục, 4, 2b)	cao 1.40 rộng 0.80 tên chữ tiểu trện. Văn khắc 2 mặt, 4 dòng 2090 chữ	Tống Trung Tín & Lê Thị Liên phát hiện năm 1987 chùa Diên Phúc th. Cảnh Lâm x. Tân Việt h. Mĩ Văn t. Hương Yên	30279 30280 30281 Viện Nghiên cứu Hán Nôm	Quan tước và thực ấp của Đỗ Anh Vũ. Pháp môn & phương tiện đồ thờ của đạo Phật. Duyên do xây chùa Diên Phúc. Ca ngợi đức hạnh của mẹ, tài văn vũ của Đỗ Anh Vũ...	Nguyễn Công Diễm soạn. Mẹ Đỗ Anh Vũ dựng bia.	Sinh hoạt đại gia tộc. Đời sống xã hội và sự phát triển của đạo Phật, việc sử dụng ruộng đất ở thời Lí.	
19	鉅越國太尉李公石銘序 (Cự Việt quốc thái úy Lí công thạch bi minh tự) Văn bia vé Thái úy Lí công nước Đại Việt	1159 ? (Thái úy Lí công Đỗ Anh Vũ 1114-1159 mất ngày 20 tháng Thái thốc Mậu Dần, niên hiệu Đại Định 9 - 2 - 1159)	1488 chữ	1943 còn ở th. An Lạc h. Đông An (nay là h. Mĩ Văn) t. Hưng Yên. Nay bia và thác bản đều không còn.	Hoàng Xuân Hân chép theo 1 bản sao ở th. An Lạc. Thơ văn Lý Trần theo HXH	Quan tước của Đỗ Anh Vũ. Quan hệ thân thuộc với Thái úy Quách Thịnh Dật, Thái úy Lí Thương Kiệt Tài năng Đỗ Anh Vũ dẹp giặc, lập công.	Không ghi		K. Taylor dịch ra tiếng Anh (1995)
20	(Hoàng Việt thái phó Lưu quán mộ chi) Mô chí Thái phó Lưu Khánh Đàm	1161 ?	385 chữ	x. Lưu Xá h. Hưng Hà t. Thái Bình nay bia không còn, thác bản không có.	Bản sao chép của li trưởng Trần Văn Chuyền đầu thế kỉ. Viện Nghiên cứu Hán Nôm phó Lưu quán mộ chí A. 1027	Nguyên quán x. Yên Lăng h. Thiệu Yên t. Thanh Hoá thời 3 đời vua Nhân Tông, Thần Tông, Anh Tông; quan Quang Lộc đại phu, Thượng trụ quốc khai quốc công.		Mô chí VN sớm nhất Tiểu sử Lưu Khánh Đàm.	Ngô Thế Vinh (1802 - 1856) Nhị Lưu thái phó thân sự trang.

Thứ tự	Tên văn khắc	Niên đại	Đặc điểm hình thức	Nơi đặt	Kí hiệu	Nội dung	Tác giả	Thông tin đặc biệt	Thông tin trong thư mục nghiên cứu
21	大摩山 大光聖 大光聖 (Đại Chu Ma Sơn Áng Đại Quang thành nhậm bi) Bia Đại Chu Ma Sơn Áng Đại Quang Thánh Nham.	Chính Long Bảo Ứng 4 1166	cao 1.55 rộng 0.82 Trán khắc hoa sen. Dưới văn bản khắc rùa lớn.	Bảo tàng Hà Nam phát hiện 1986. Chùa cổ còn. Bia nhai của động Am Tiên núi Am Tiên x. Trường Yên h. Hoa Lư t. Ninh Bình	29477 Viện Nghiên cứu Hán Nôm	Đại hoà thượng Đại Quang Thánh lập chùa Phật ở Chu Ma Sơn Áng, Trường Yên, Đại Việt. Miêu tả non sông kì tú & sự trưng nghiệm linh ứng của chùa.	Bồ Đề đại sư	Thờ Đinh Lê, động này ma kêu quỷ khóc, từ khi Đại Quang Thánh trụ trì thì thành chùa Phật. Tên chùa Am Tiên có từ Kì Máo, Tự Đức 32 (1879).	Tiền Am tự bi kí dựng năm Bảo Đại 7 (1922)
22	奉聖夫人 黎氏墓誌 (Phụng Thánh phu nhân Lê thị mộ chí) Mộ chí Phụng Thánh phu nhân họ Lê.	8 Chạp Chính Long Bảo ứng 11 tức 2 - 11 - 1173	cao 0.85 rộng 0.63 chữ khải khác chìm 24 dòng x 31 chữ Cộng 703 chữ. Người sau khắc lại	x. Hương Nộn h. Tam Nông t. Phú Thọ 1977 bia còn dựng ở chùa Diên Linh Phúc Thành	10755 10756 Viện Nghiên cứu Hán Nôm Phụng	Thành phu nhân là phu nhân thứ 3 của vua Lý Thần Tông, tên là Lê Lan Xuân, đồng đôi Lê Đại Hành. 1134 được chọn vào cung. 1136 tiến phong Phụng Thánh phu nhân.	Quốc sư vô danh	Anh Tông lên ngôi, Hoàng Thái hậu phụ chính. Cuộc sống nữ quý tộc thời Lí.	
23	賢聖太婆 墓誌 Bảo chương thái bà mộ chí	Đinh Mão, Trĩ Bình Long Ứng 3 1207	đá tự nhiên, không đeo gọt cao 0.65 rộng 0.31 dày 0.45 chữ thò, rõ tiêu đề ngang, 5 dòng dọc (8-6- 7-6-5) 38 chữ	(Pháp) Pajot phát hiện x. Hoà Chúng h. Quảng Xương phủ Tĩnh Gia t. Thanh Hoá E. Gasparone công bố 1932. Nay ở Bảo tàng Lịch sử, Hà Nội.	24956 (5-7-1930 ở Bảo tàng Lịch sử) Thác bản Viện Nghiên cứu Hán Nôm (chưa đăng kí)	Người Giang Hạ (?) huy Thi Thất, đến tháng 8 năm Trĩ Bình Long Ứng 3 tạ thế, tuổi 75, quy táng ở Lục Hương tổ mộ.		Thị Thất, cách đặt tên phải chăng nói lên Thái bà là người Việt?	E. Gasparone, BEFEO, t. XXXII, fase 2, 1932. Deux inscriptions chinoises du Musée de Hanoi

Thứ tự	Tên văn khắc	Niên đại	Đặc điểm hình thức	Nơi đặt	Kí hiệu	Nội dung	Tác giả	Thông tin đặc biệt	Thông tin trong thư mục nghiên cứu
24	圓光寺碑銘 (Viên Quang tự bị minh) Văn bia chùa Viên Quang	thời Lí Cao Tông (1175 - 1210)	có khắc lại cao 1.59 rộng 0.93 trên 2 rỗng chấu 4 chữ A DI ĐÀ PHẬT, 2 bên và đây hoa văn rỗng mây	Trước 1945 ở trong chùa x. Tháp Miếu lồng Bạch Trử h. Yên Lăng t. Phúc Yên	28943 Viên Nghiên cứu Hán Nôm	Giáo lí Phật huyền diệu. Chùa Viên Quang do Lí Thánh Tông (1054 - 1072) lập, nơi pháp sư Giác Hải trụ trì, pháp thuật cao siêu, công đức không kém Trúc pháp và Chí Công.	học trò là Đinh Đạt viết văn. Bài minh 48 câu x 4 chữ	Giác Hải tuổi già về quê, năm đầu Thiệu Minh (1138) dựng chùa Viên Quang, "không xa cung Long Kiều". Cảnh đẹp. Thần Tông (1128 - 1137), Anh Tông (1137 - 1175), Cao Tông thường lui tới	Lê Quý Đôn, Kiến văn tiêu lục. Thư mục Hán Nôm. Mục lục tác giả.
25	報恩禪寺碑記 (Bảo Ân thiên tự bị kí) Bia chùa Báo Ân	Ngày lành tháng Mười hai, Trị Bình Long Ứng 5 Tháng 1-2 1210	cao 1.28 rỗng 0.78 trên & niêm dấu hoa văn cũ. Đầu đế văn bia đều viết chữ Khải	Trước 1945 ở trong chùa x. Tháp Miếu lồng Bạch Trử h. Yên Lăng t. Phúc Yên	4102 4103 Viên Nghiên cứu Hán Nôm	Nếu chức tước thi chủ, điển sản & tiền của cúng dâng Như Lai. Thi chủ Nguyễn Công, xuất thân vọng tộc, cời chung y, ngộ đạo Phật, trung tu chùa Báo Ân, cúng ruộng & dựng bia.	Trần ti Viên ngoại lang Nguyễn Tự Hiến 魏嗣真 soạn	Cung nhà chùa đưa vào các thân sĩ lập "Hội Phật" để quản lí chùa Báo Ân. Tin ngưỡng Phật giáo chất phác & thực tế.	Thơ văn Lý Trần, giải thích việc dùng miếu hiệu Cao Tông.
26	祝聖報恩寺碑 (Chúc thánh Báo ân tự bị) Bia chùa Chúc Thánh Báo ân	khoảng 1185 - 1214	cao 1.57 rỗng 1.05 2 mặt chữ đã mòn	1980, Tầng Bá Hoành phát hiện. Nay ở bên phải sân nhà thờ Đỗ Thế Diên x. Thanh Xá h. Nghĩa Hiệp h. Mỹ Văn t. Hưng Yên	Đình Văn Minh rập mới.	Tông chỉ từ bị độ thế của đạo Phật, danh vọng Đỗ Thế Diên; việc cúng ruộng vào chùa.	Triều nghị đại phu thời Lí là Đỗ Thế Diên dựng bia. 1668 Phạm Công Trứ thấy bia mòn, chép được 5, 6 hàng, 175 chữ	6 chữ Nôm nhân danh, địa danh. Chữ Nguyệt kiêng húy. Bai khắc chữ kiêng húy () (hoàng hậu Trần Thánh Tông) trong đoạn khắc lại.	Lê Quý Đôn toàn tập, t. 2, 1977, tr. 511- 516. Lê Hữu Mưu, Thừa tướng Lê Hữu Mưu, Thừa tướng Phạm Công miên phá
27	秦津祠跡 [Trần Tân từ tích] Đầu đền Bến Trần	cuối đời Lí (1175 - 1225) khắc lại khoảng 1427 - 1527	mặt trước cao 0.41, rỗng 0.17 367 chữ; mặt sau cao 0.17 rỗng 0.13 7 dòng, 109 chữ chìm khắc thư nét to	đền Trần Tân x. Phú Thọ h. Lang Tài t. Bắc Ninh	6366 6367 EFEO rập trước 1945	Địa thế vùng Trần Tân, nơi xây chuyện vị thủy thần thời Hùng Vương, được Ngọc Hoàng phong "Thủy quốc linh thần" Thần linh ứng, giúp Lí Anh Tông (1137 - 1175) dẹp giặc yên dân.	?	Tin ngưỡng dân gian địa phương.	Cung di tích có bia Trần Tân thần từ bị kí (kí hiệu 6368 - 6369) dựng năm Quang Hoa 4 đời Mạc (1544), h. Thiên Tài đời Lang Tài.



KÝ HIỆU

- Minh chuông
- Văn bia
- Cột kinh
- Ma nhai
- Mộ chí
- Loại khác
- Văn khắc hiện giữ ở bảo tàng
- Văn khắc không còn

Nơi vốn có văn khắc